

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC
MÔN LỊCH SỬ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BGDĐT, ngày tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo
dục và Đào tạo ban hành Chương trình các môn học bồi dưỡng dự bị đại học)*

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC.....	3
II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH	3
III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT	4
IV. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	5
V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC.....	21
VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.....	23
VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	23

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Lịch sử là môn học thuộc nhóm Khoa học xã hội. Môn Lịch sử có sứ mệnh giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực lịch sử, thành phần của năng lực khoa học đồng thời góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực đặc thù của môn Lịch sử. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, giúp học sinh nhận thức và vận dụng được các bài học lịch sử được học tập để giải quyết những vấn đề của thực tế cuộc sống, phát triển tầm nhìn, củng cố các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, lòng khoan dung, nhân ái; góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất của công dân Việt Nam, công dân toàn cầu trong xu thế phát triển của thời đại.

Môn Lịch sử hình thành, phát triển cho học sinh tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kỹ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu, nhận thức và trình bày lịch sử trong logic lịch đại và đồng đại, kết nối quá khứ với hiện tại.

Môn Lịch sử giúp học sinh nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của sử học trong đời sống xã hội hiện đại, hiểu biết và có tình yêu đối với lịch sử, văn hoá dân tộc và nhân loại; góp phần định hướng cho học sinh lựa chọn những nghề nghiệp như: khoa học xã hội và nhân văn, ngoại giao, quản lý, hoạt động du lịch, công nghiệp văn hoá, thông tin truyền thông,...

Chương trình môn Lịch sử dự bị đại học nhằm hệ thống hoá, củng cố kiến thức Lịch sử ở giai đoạn giáo dục cơ bản, đồng thời giúp học sinh tìm hiểu sâu hơn các kiến thức lịch sử cốt lõi thông qua các chủ đề học tập về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam. Phương pháp dạy học môn Lịch sử được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của dạy học lịch sử và phương pháp giáo dục hiện đại.

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

- Củng cố, hệ thống hóa cho HS những kiến thức cơ bản về khoa học lịch sử, trên cơ sở xác định những yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, hướng đến hình thành những phẩm chất, năng lực đặc thù môn học.

- Giúp học sinh phát triển năng lực lịch sử, biểu hiện của năng lực khoa học đã được hình thành ở cấp trung học phổ thông; góp phần giáo dục tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, các phẩm chất, năng lực của người công dân Việt Nam, công dân toàn cầu phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; giúp học sinh tiếp cận và nhận thức rõ vai trò, đặc điểm của khoa học lịch sử cũng như sự kết nối giữa sử học với các lĩnh vực khoa học và ngành nghề khác, tạo cơ sở để học sinh định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

- Bồi dưỡng cho học sinh năng lực tự học, phẩm chất và năng lực của người lao động, nhân cách công dân, ý thức quyền

và nghĩa vụ đối với Tổ quốc có khả năng tự học và ý thức học tập suốt đời; có những hiểu biết và khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực và sở thích, điều kiện và hoàn cảnh của bản thân để tiếp tục học lên đại học, cao đẳng.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo định hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng học sinh.

- Đa dạng hoá hình thức tổ chức học tập, coi trọng cả dạy học trên lớp và các hoạt động xã hội, trải nghiệm sáng tạo, tập dượt nghiên cứu khoa học.

- Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục, bảo đảm trung thực, khách quan, góp phần hướng dẫn, điều chỉnh cách học và cách dạy.

2. Mục tiêu cụ thể

- Củng cố, ôn tập, hệ thống hóa nội dung giáo dục cốt lõi cho HS để có đủ điều kiện học tập ở bậc đại học.

- Mở rộng, nâng cao kiến thức và năng lực lịch sử đáp ứng yêu cầu của việc bồi dưỡng và phát triển học sinh hệ dự bị đại học thông qua các chuyên đề tự chọn.

III. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử góp phần hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực theo các mức độ phù hợp với môn Lịch sử, đó là phẩm chất yêu nước, nhân ái, trung thực, trách nhiệm và năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình môn Lịch sử giúp học sinh phát triển năng lực lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản và nâng cao về lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam thông qua hệ thống chủ đề về lịch sử chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh. Năng lực lịch sử có các thành phần là: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học với biểu hiện cụ thể của năng lực lịch sử được trình bày trong bảng sau:

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
TÌM HIỂU LỊCH SỬ	– Nhận diện được các loại tư liệu, giá trị của tư liệu lịch sử trong học tập lịch sử. – Khai thác và sử dụng được thông tin của một số loại tư liệu lịch sử trong học tập lịch sử. – Trình bày được những nét chính của các sự kiện và quá trình lịch sử cơ bản về bối cảnh lịch sử, diễn biến, thời gian, địa điểm, kết quả, ý nghĩa, bài học lịch sử. – Biết sử dụng sơ đồ, lược đồ, bản đồ lịch sử,...trong học tập.
NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY LỊCH SỬ	– Giải thích được mối quan hệ tác động các nhân tố đến các sự kiện, hiện tượng, nhân vật, quá trình lịch sử. – Phân tích được các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử, nguyên nhân, ý nghĩa của các nội dung và sự kiện lịch sử... – So sánh được bối cảnh, nội dung, quá trình lịch sử ... trong học tập. – Nhận xét được về sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử,... trong học tập.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KỸ NĂNG ĐÃ HỌC	– Rút ra được bài học lịch sử và vận dụng được kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề trong học tập và thực tiễn cuộc sống. – Vận dụng được kiến thức lịch sử để giải quyết những vấn đề thực tiễn và các vấn đề thời sự đang diễn ra ở trong nước và thế giới.

IV. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

Nội dung giáo dục môn Lịch sử ở trường dự bị đại học gồm:

1.1. Nội dung học tập bắt buộc, bao gồm các mạch kiến thức cốt lõi của mỗi nội dung học tập bắt buộc:

Các mạch kiến thức cốt lõi của nội dung học tập bắt buộc gồm:

STT	Mạch nội dung
1	Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay
2	Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông
3	Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh
4	ASEAN: Những chặng đường lịch sử
5	Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay)
6	Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay
7	Lịch sử đối ngoại của Việt Nam thời cận – hiện đại
8	Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam

1.2. Nội dung học tập do các cơ sở giáo dục lựa chọn và xây dựng, bao gồm: nội dung về lịch sử thế giới từ năm 1917 đến nay và lịch sử Việt Nam từ 1919 đến nay; nội dung về bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa dân tộc; nội dung về giáo dục lịch sử địa phương; thực hành, trải nghiệm; tham quan học tập lịch sử; ôn tập củng cố hệ thống hóa kiến thức lịch sử; bài tập lịch sử.

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt ở các lớp

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết</i> – Quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết – Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết	- Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Phân tích được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.
<i>Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai</i> – Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu – Sự mở rộng chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ Latinh – Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô	- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ Latinh. - Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô. - Từ sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô, rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam để xây dựng và phát triển đất nước.
<i>Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay</i> - Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay - Thành tựu chính của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc	- Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay, những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc. - Chỉ ra được những điểm tương đồng và khác biệt trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam và cải cách ở Trung Quốc. - Rút ra những bài học kinh nghiệm từ công cuộc cải cách – mở cửa ở Trung Quốc cho công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam hiện nay.
LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông</i> <i>Vị trí của Biển Đông</i>	– Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ.
<i>Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông</i> – Tuyến đường giao thông biển huyết mạch – Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương – Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển	- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.
<i>Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông</i> – Vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông – Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông	– Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. – Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.
<i>Việt Nam và Biển Đông</i> <i>Tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam</i> – Về quốc phòng, an ninh – Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm	– Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
<i>Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa</i> – Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	– Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử. – Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.
<i>Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình</i>	Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình được thể hiện: – Nêu được Việt Nam ban hành được văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền. – Trình bày được Việt Nam tham gia Công ước Luật biển năm 1982 của Liên Hợp Quốc (UNCLOS). – Nêu được Việt Nam thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012. – Giải thích được việc Việt Nam thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC). – Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.
THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Liên Hợp Quốc</i> <i>Một số vấn đề cơ bản về Liên Hợp Quốc</i> – Lịch sử hình thành	– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên Hợp Quốc. – Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên Hợp Quốc.
– Mục đích, nguyên tắc hoạt động	– Trình bày được mục đích, nguyên tắc hoạt động của Liên Hợp Quốc.
<i>Vai trò của Liên Hợp Quốc</i> – Trong lĩnh vực duy trì hoà bình và an ninh quốc tế – Trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển – Trong lĩnh vực quyền con người, văn hoá, xã hội	– Nêu được vai trò chính của Liên Hợp Quốc trong việc duy trì hoà bình và an ninh quốc tế. – Trình bày được vai trò của Liên Hợp Quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân. – Trình bày được vai trò của Liên Hợp Quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.
<i>Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh</i> <i>Sự hình thành và tồn tại Trật tự hai cực I-an-ta</i>	– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. – Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. + Giai đoạn từ 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX: giai đoạn xác lập và phát triển của trật tự hai cực I-an-ta.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	+ Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991: Trật tự hai cực I-an-ta suy yếu và sụp đổ.
<i>Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta</i> Nguyên nhân sụp đổ Tác động	– Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. – Phân tích được tác động sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.
<i>Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh</i> <i>Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh</i>	– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực I-an-ta – Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh: + Xu thế đa cực + Xu thế lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm + Xu thế toàn cầu hoá + Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế
<i>Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế</i> – Khái niệm đa cực – Xu thế đa cực	– Trình bày được khái niệm đa cực – Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh – Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế.
ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)</i> <i>Quá trình hình thành, mục đích và nguyên tắc hoạt động của ASEAN</i> – Bối cảnh thành lập – Quá trình hình thành – Mục đích thành lập – Nguyên tắc hoạt động	– Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN. – Trình bày được bối cảnh thành lập, quá trình hình thành, mục đích và nguyên tắc hoạt động của ASEAN. + Bối cảnh thế giới và khu vực + Quá trình hình thành + Mục đích thành lập + Nguyên tắc hoạt động
<i>Hành trình phát triển của ASEAN</i> – Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999) – Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay)	– Trình bày được các mốc quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. – Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay). Phân tích các giai đoạn phát triển chính của ASEAN từ 1967 đến nay (Nêu được các văn kiện hợp tác quan trọng của ASEAN trong mỗi giai đoạn phát triển) + Giai đoạn 1967-1976: Giai đoạn khởi đầu, xây dựng nền móng ban đầu tạo tiền đề cho sự hợp tác. + Giai đoạn 1976 - 1999: Giai đoạn xây dựng quan hệ chính trị ổn định, tạo điều kiện phát triển, mở rộng từ ASEAN 5 thành ASEAN 10. + Giai đoạn 1999-2015: hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường hợp tác nội khối về mọi mặt.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	+ Giai đoạn 2015 đến nay: Thành lập và xây dựng Cộng đồng ASEAN - Nhận xét được quá trình phát triển thành viên của ASEAN.
<i>Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực</i> <i>Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN</i> – Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN – Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN – Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN	– Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN. – Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN. Lí giải tại sao sự ra đời của Cộng đồng ASEAN đánh dấu bước phát triển mới của hợp tác khu vực Đông Nam Á.
<i>Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN:</i> – Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC) – Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) – Cộng đồng Văn hoá – Xã hội (ASCC)	- Trình bày mục đích, nội dung ba trụ cột trong Cộng đồng ASEAN: Cộng đồng Chính trị – An ninh; Cộng đồng Kinh tế; Cộng đồng văn hóa – xã hội.
<i>Cộng đồng ASEAN sau năm 2015</i> – Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015 – Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN	- Đánh giá được những thách thức và triển vọng của cộng đồng ASEAN. Liên hệ cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia Cộng đồng ASEAN.
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)	
<i>Cách mạng tháng Tám năm 1945</i>	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Khái quát về Cách mạng tháng Tám năm 1945</i> – Bối cảnh lịch sử – Diễn biến chính	– Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, thời cơ, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
<i>Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945</i> – Nguyên nhân thắng lợi – Ý nghĩa và bài học lịch sử	– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945: Truyền thống yêu nước của nhân dân, sự lãnh đạo của Đảng, quá trình chuẩn bị lâu dài chu đáo, điều kiện quốc tế thuận lợi. – Phân tích được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
<i>Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)</i> <i>Khái quát về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp</i> – Bối cảnh lịch sử – Diễn biến chính	– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. – Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
<i>Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp</i> – Nguyên nhân thắng lợi – Ý nghĩa lịch sử	– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. – Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. – Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Pháp, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)</i> <i>Khái quát về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước</i> – Bối cảnh lịch sử – Các giai đoạn phát triển chính	– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
<i>Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước</i> – Nguyên nhân thắng lợi – Ý nghĩa lịch sử	– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. – Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.
<i>Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay</i> <i>Khái quát về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay</i> – Bối cảnh lịch sử – Diễn biến chính	– Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. – Trình bày được những nét khái quát về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam từ sau tháng 4-1975 đến năm 1979; cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía Bắc (1979 – 1989) và ở Biển Đông từ khi thống nhất đất nước đến nay.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay</i>	– Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay.
<i>Một số bài học lịch sử</i> - Về tinh thần yêu nước - Về vai trò của khối đoàn kết dân tộc - Về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại - Về nghệ thuật lãnh đạo, nghệ thuật quân sự	– Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. – Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.
CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY	
<i>Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay</i>	
<i>Giai đoạn 1986 – 1995: khởi đầu công cuộc Đổi mới</i> <i>Giai đoạn 1996 – 2006: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế</i> <i>Giai đoạn 2006 đến nay: tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng</i>	– Phân tích được công cuộc Đổi mới ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế, khu vực có nhiều biến đổi. Kinh nghiệm cải cách của các nước gợi mở cho Việt Nam trong quá trình đổi mới – Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay + Giai đoạn 1986 - 1995: khởi đầu công cuộc Đổi mới + Giai đoạn 1996 - 2006: đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế; + Giai đoạn 2007 đến nay: tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế sâu rộng.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
	- Xây dựng được đường thời gian về các giai đoạn phát triển của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.
<i>Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay</i> <i>Thành tựu cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế</i>	– Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá và hội nhập quốc tế.
<i>Một số bài học kinh nghiệm</i> – Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh – Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp – Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân – Kết hợp sức mạnh nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới	– Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.
LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI	
<i>Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945)</i>	– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).
<i>Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)</i>	– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
<i>Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)</i>	– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ 1954-1975.
<i>Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985</i>	– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985.
<i>Hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)</i>	– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay. – Phân tích được bước phát triển của hoạt động đối ngoại từ đầu thế kỉ XX đến nay. Phân tích được được ý nghĩa của hoạt động đối ngoại qua các giai đoạn lịch sử: từ đầu thế kỉ XX đến năm 1945, kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), chống Mĩ (1954 - 1975); giai đoạn từ năm 1975 – 1985, 1986 đến nay. – Đánh giá được vai trò của hoạt động đối ngoại đối với phong trào đấu tranh giành độc lập, kháng chiến bảo vệ tổ quốc và công cuộc đổi mới đất nước. – Từ hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX, rút ra bài học kinh nghiệm đối với hoạt động đối ngoại hiện nay.
HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	
<i>Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh</i> <i>Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh</i>	– Biết sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. – Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Hoàn cảnh đất nước – Hoàn cảnh quê hương – Hoàn cảnh gia đình	
<i>Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh</i>	– Trình bày được những nét cơ bản về tiểu sử của Hồ Chí Minh và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh
<i>Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc</i> <i>Xác định con đường cứu nước</i> – Hành trình đi tìm đường cứu nước – Con đường cứu nước – Ý nghĩa của việc tìm ra con đường cứu nước	– Trình bày được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên lược đồ. – Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh và vai trò, ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước.
<i>Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam</i> – Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng. – Triệu tập và chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. – Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	– Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. – Phân tích được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (triệu tập, chủ trì và soạn thảo thông qua Chính cương vắn tắt, Sách lược Vắn tắt và Điều lệ) và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
<i>Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945</i> – Triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941)	– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941), thành lập Mặt trận Việt Minh, thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
– Sáng lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5 năm 1941) – Thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (ngày 22 tháng 12 năm 1944) – Cùng Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà	quân, trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. – Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5 năm 1941) và vai trò của Hồ Chí Minh.
<i>Lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 – 1969)</i> – Giai đoạn 1945 – 1946 – Giai đoạn 1946 – 1954 – Giai đoạn 1954 – 1969	– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám (1945 – 1946) khi thực hiện chủ trương “hoà để tiến” thông qua việc kí Hiệp định Sơ bộ (ngày 06 tháng 3 năm 1946) và bản Tạm ước (ngày 14 tháng 9 năm 1946). – Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954). – Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1969). – Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.
<i>Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam</i> <i>Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới</i> – Danh hiệu: + Năm 1987, UNESCO công nhận Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá lớn	– Phân tích được nguyên nhân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hóa của Hồ Chí Minh.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
+ Nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và những giá trị tư tưởng và văn hoá của Hồ Chí Minh – Tưởng niệm: Nhà lưu niệm; Đài kỉ niệm; Đặt tên một số đại lộ,...	
<i>Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam</i> – Bảo tàng, Nhà lưu niệm – Hình tượng văn học, nghệ thuật – Phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh	– Nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi đối với dân tộc Việt Nam. – Có ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
– Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học. – Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hoá),... – Học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. – Tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi “Em yêu lịch sử”, “Nhà sử học trẻ tuổi”, các trò chơi lịch sử.	- củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.

V. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

- Chương trình môn Lịch sử được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, vì vậy cần tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong học tập môn Lịch sử. Phương pháp dạy học chủ đạo là tích cực hoá hoạt động của người học, chú trọng tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động học tập gắn

với những tình huống của cuộc sống, gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn; tăng cường tự học, làm việc trong nhóm nhằm phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) và năng lực lịch sử cho học sinh, đáp ứng mục tiêu của Chương trình.

- Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, giáo viên giúp học sinh từng bước hình thành và phát triển lòng yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính; niềm tự hào về truyền thống lịch sử của quê hương, đất nước; phát triển các giá trị nhân văn, nhân ái, trung thực, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, thông qua các bài học lịch sử, giáo viên truyền cảm hứng để học sinh yêu thích lịch sử, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

- Trong dạy học môn Lịch sử, giáo viên giúp học sinh hình thành và phát triển những năng lực thông qua các nội dung học tập và hoạt động thực hành, thực tế. Cụ thể:

+ Năng lực tự chủ và tự học: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin từ các nguồn sử liệu; trình bày ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử; khảo sát, thực hành lịch sử trên thực địa, di tích lịch sử và văn hóa ở địa phương; vận dụng kiến thức lịch sử để giải thích các vấn đề thực tế; tìm tòi, khám phá và tự học lịch sử;...

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm; hoạt động trải nghiệm tại thực địa, bảo tàng, di tích lịch sử và văn hóa; hoạt động phỏng vấn nhân chứng lịch sử;...

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết, ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật lịch sử; tìm logic trong cách thức giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề trong lịch sử; vận dụng bài học kinh nghiệm lịch sử trong thực tế cuộc sống;...

- Phương pháp dạy học góp phần hình thành, phát triển năng lực lịch sử được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của khoa học lịch sử: thông qua các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện lịch sử, phục dựng một cách chân thực, khách quan quá trình hình thành, phát triển của các sự kiện, quá trình lịch sử, đồng thời đặt quá trình phát triển đó trong sự tương tác với các nhân tố liên quan trong suốt quá trình vận động của chúng.

- Dạy học môn Lịch sử theo phương pháp dạy học tích cực, giáo viên không đặt trọng tâm vào việc truyền đạt kiến thức lịch sử cho học sinh mà chú trọng hướng dẫn học sinh nhận diện và khai thác các nguồn sử liệu, từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử để tìm kiếm sự thật lịch sử một cách khoa học, vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn, từ đó hình thành và phát triển năng lực lịch sử cho học sinh.

- Các hình thức tổ chức dạy học môn Lịch sử bao gồm các hoạt động dạy học ở trong và ngoài lớp học. Giáo viên cần tăng cường mở rộng không gian dạy học trên thực địa (di tích lịch sử, di sản văn hoá, bảo tàng, triển lãm,...), kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động trải nghiệm trên thực tế. Thông qua việc kết hợp các hình thức hoạt động đa dạng như thảo luận nhóm, làm việc nhóm, làm việc cá nhân,... giáo viên giúp học sinh trở thành “người đóng vai lịch sử” để khám phá lịch sử, vận dụng sáng tạo kiến thức vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống.

VI. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường dự bị đại học.

VII. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thời lượng

- Tổng thời lượng thực hiện chương trình là: 28 tuần x 6 tiết/tuần = 168 tiết.
- Tổng thời lượng dạy các chủ đề bắt buộc và chủ đề tự chọn do nhà trường bố trí, sao cho thời lượng dành cho chủ đề tự chọn không quá 30% tổng thời lượng thực hiện chương trình.
- Thời lượng dạy học của từng chủ đề, thời lượng dành cho kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện theo kế hoạch giáo dục của nhà trường.

3. Thiết bị dạy học

Thực hiện danh mục thiết bị dạy học cấp trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; khuyến khích giáo viên tự làm các thiết bị dạy học phù hợp với nội dung Chương trình bồi dưỡng dự bị đại học môn Lịch sử.